



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG 11.2015

Được phát hành vào ngày 11/12/2015



MỤC LỤC

Kinh Tế Vĩ Mô Và Thị Trường Chứng Khoán Tháng 11/2015

Kinh Tế Vĩ Mô

Thị Trường Chứng Khoán

Tình Hình Hoạt Động Và Đầu Tư Của Quỹ

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ Đầu Tư Doanh Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 11/2015

CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ 2015 VÀ KẾ HOẠCH 2016

Các số liệu kinh tế tới tháng 11 năm 2015 dự báo một năm tăng trưởng kinh tế thành công. Dự báo tăng trưởng GDP cả năm đạt mức 6,6%, cao hơn kế hoạch đã được thông qua là 6,5%. Quốc hội đã thông qua kế hoạch năm 2016 với mức tăng trưởng cao hơn ở mức 6,7%. Mức tăng trưởng GDP Việt nam cao hơn trong năm 2016 cũng được Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đưa ra trong các dự báo. Tiềm năng tăng trưởng trong năm 2016 đang được củng cố mạnh mẽ hơn với việc hoàn tất đàm phán Hiệp định thương mại tự do xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định thương mại tự do khác (ASEAN, Việt nam – EU). Việt Nam đang trở thành điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và dự kiến FDI sẽ tăng mạnh trong năm 2016 để chuẩn bị cho việc TPP có hiệu lực. Kinh tế Việt Nam đang đối mặt với các sức ép của việc điều chỉnh giảm giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ, thâm hụt ngân sách và thâm hụt cán cân thương mại. Tuy nhiên các trở ngại là thứ yếu so với các tiềm năng hiện hữu.

LẠM PHÁT DỰ BÁO SẼ CAO HƠN TRONG NĂM 2016

Lạm phát cơ bản cả năm 2015 dự kiến sẽ thấp hơn 2% và lạm phát sẽ thấp hơn 1%. Lạm phát 2015 là rất thấp so với các năm từ 2010 và đã làm các câu hỏi về thiếu phát được đặt ra. Tuy nhiên việc tăng trưởng tiêu dùng đã cho thấy chưa xuất hiện vấn đề thiếu phát. Nguyên nhân cho sự suy giảm lạm phát trong năm 2015 có thể nhận thấy từ việc giảm giá và tăng không đáng kể của nhóm hàng giao thông vận tải (hệ quả của giá dầu giảm) và lương thực, thực phẩm. Lạm phát trong năm 2016 được dự báo sẽ tăng trở lại và cao hơn so với năm 2015 do tác động của việc lạm phát 2015 ở mức thấp và tác động của việc tăng giá lại của giá dầu. Mặt bằng lạm phát thấp trong 2015 và 2016 hỗ trợ mạnh mẽ cho việc sản xuất kinh doanh và hỗ trợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc điều hành thị trường tiền tệ.

LÃI SUẤT TIỀN GỬI THỰC DƯƠNG CAO

Lạm phát đã được kiểm soát từ năm 2012 và trong năm 2015 lạm phát đã ở mức rất thấp. Lãi suất tiền gửi và lãi suất trái phiếu chính phủ cũng đã điều chỉnh giảm trong giai đoạn 2012-2015. Tuy nhiên việc lạm phát giảm mạnh so với các năm trước đã làm cho lãi suất tiền gửi và đầu tư trái phiếu trở nên thực dương ở mức cao trong năm 2015. Lãi suất tiền gửi năm 2015 là thực dương và cao nhất trong giai đoạn 5 năm trở lại đây (so sánh giữa lãi suất tiền gửi 12 và lạm phát cùng kỳ) với mức bình quân trên 4% cho 11 tháng năm 2015 so với mặt bằng lãi suất thực dương 1,6% cho giai đoạn 2013-2015 (giai đoạn lạm phát đã được kiểm soát). Lãi suất thực dương đã hỗ trợ cho việc huy động tiền gửi dân cư vào hệ thống ngân hàng và chênh lệch giữa lãi suất gửi tiết kiệm tiền đồng và Đô la đã làm cho việc gửi tiết kiệm tiền đồng trở nên hấp dẫn. Dự kiến lãi suất gửi tiền vẫn thực dương trong năm sau tuy nhiên mặt bằng thực dương sẽ thấp hơn năm 2015 do sự quay lại của lạm phát.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG TỐT VÀ LÃI SUẤT ĐÃ TRỞ LẠI BÌNH THƯỜNG

Tăng trưởng tín dụng 11 tháng đạt 14,35% so với thời điểm đầu năm, dự kiến cả năm tăng trưởng tín dụng có thể đạt 17%, đúng theo mục tiêu đã đề ra. Mức tăng trưởng tín dụng này phù hợp với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Tuy nhiên tăng trưởng tín dụng đang tập trung cao đối với cho vay bất động sản và tiêu dùng. **Lãi suất đã có sự suy giảm mạnh trong giai đoạn 2011-2015 và ổn định trong năm 2015 đã hỗ trợ cho việc tăng trưởng tín dụng.** Mặt bằng lãi suất đã bình ổn trở lại với việc lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 2 năm đã cao hơn lãi suất tiền gửi 12 tháng trên thị trường trong năm 2015. Dấu hiệu này cho thấy lãi suất đã trở nên phù hợp với khả năng vay của các thành phần kinh tế và đưa các hoạt động trên thị trường tín dụng trở lại ổn định. Các dự báo cho năm 2016 cho thấy mặt bằng lãi suất cho vay có thể tăng nhẹ, tăng trưởng tín dụng cả năm ở mức 16%-17% phù hợp với mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7%-6,8% đã được đề ra.

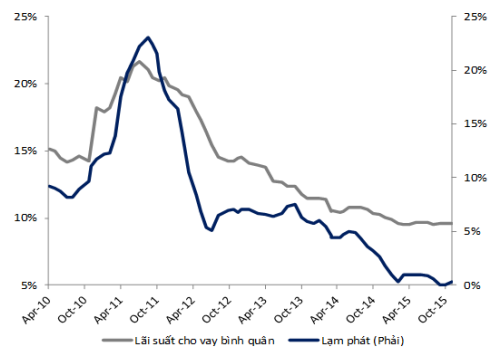
BIỂU ĐỒ

DỰ KIẾN THỰC HIỆN 2015 VÀ MỤC TIÊU 2016

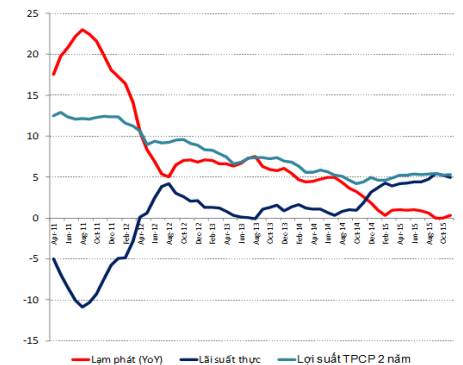
	Đơn vị	2013	2014	Dự kiến 2015	Kế hoạch 2016
Tăng trưởng GDP	%	6,4	6,0	6,6	6,7(*)
Lạm phát	%	6,0	1,8	0,7	<5(*)
Tăng trưởng XK	%	15,4	13,6	10	10(*)
Tăng trưởng NK	%	15,4	12,1	13,5	12
Cán cân XNK	Tỷ US\$	0,9	2,0	-4,0	-8
Giải ngân FDI	Tỷ US\$	11,6	12,4	14	16-16
Dự trữ ngoại hối	Tỷ US\$	27,0	34,5	30	31
Đầu tư xã hội	%GDP	30,4	31	29-30	31

(*) Kế hoạch năm 2016 đã được Quốc hội thông qua

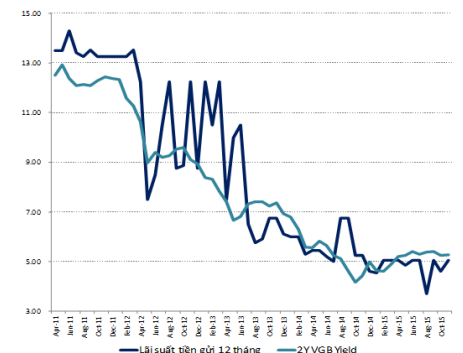
LÃI SUẤT CHO VAY VÀ LẠM PHÁT



SO SÁNH LÃI SUẤT VÀ LẠM PHÁT, LÃI SUẤT THỰC (%)



LÃI SUẤT TIỀN GỬI 12 THÁNG VÀ LỢI SUẤT TPCCP 2 NĂM (%)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 11/2015

DÒNG TIỀN TẬP TRUNG VÀO NHÓM ĐẦU CƠ VÀ CỔ PHIẾU BLUE-CHIP GIẢM LÀM VN-INDEX GIẢM MẠNH

Tháng 11 của năm 2015 vừa khép lại với diễn biến giao dịch khá tiêu cực. Dòng tiền chuyển sang những cổ phiếu vốn hóa vừa và những cổ phiếu đầu cơ, trong khi các cổ phiếu vốn hóa lớn bị bán mạnh đặc biệt là cổ phiếu ngành Ngân hàng làm VN-Index rơi vào vùng phân phối đỉnh và điều chỉnh giảm. Thêm vào đó là những khoảng trống thông tin hỗ trợ cũng không có động lực giúp duy trì chỉ số VN-Index. Kết thúc tháng 11, VN-Index đóng cửa tại 573,2 điểm, giảm 34,17 điểm, tương đương giảm 5,62% so với cuối tháng 10. Khối lượng giao dịch đạt gần 2,79 tỷ cổ phiếu tăng 6,5% so với tháng 10. Giá trị giao dịch đạt gần 48 ngàn tỷ đồng tăng 4,3% so với tháng 10.

Thị trường có 15 ngày giao dịch giảm điểm đã lấy mất đi 9,86% điểm số VN-Index, và 6 ngày giao dịch tăng điểm giúp VN-Index phục hồi lại được 4,24%. Thị trường đã đạt đỉnh tại điểm 617,93 nhưng với áp lực bán mạnh nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đã tạo áp lực không nhỏ làm cho thị trường điều chỉnh và giảm điểm, VN-Index liên tục phá vỡ các đường MA và các ngưỡng hỗ trợ, mặc dù cũng có những phiên tăng điểm tại những vùng hỗ trợ nhưng cũng không thể giúp VN-Index ngăn chặn đà giảm vì áp lực bán mạnh của Nhà đầu tư vào những cổ phiếu vốn hóa lớn. Dòng tiền tìm đến những cổ phiếu thuộc ngành Bất động sản, Thực phẩm – đồ uống và cổ những cổ phiếu đầu cơ. Những cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm như: VNM (giúp VN-Index tăng 0,6%), CTD (giúp VN-Index tăng 0,08%), HNG (giúp VN-Index tăng 0,06%), KDC (giúp VN-Index tăng 0,06%) và PNJ (giúp VN-Index tăng 0,06%). Ngược lại những cổ phiếu làm VN-Index giảm điểm gồm có VCB (làm VN-Index giảm 1,07%), BID (làm VN-Index giảm 1,02%), GAS (làm VN-Index giảm 0,88%), CTG (làm VN-Index giảm 0,71%) và VIC (làm VN-Index giảm 0,41%).

THiếu THÔNG TIN HỖ TRỢ VÀ THỊ TRƯỜNG BIẾN ĐỘNG BẤT THƯỜNG LÀM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI BÁN RÒNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua tháng 11 giao dịch bất ổn. Cụ thể VN-Index giảm 5,63% và HNX-Index giảm 1,97%, việc thị trường có những diễn biến tiêu cực như trên cũng phần nào ảnh hưởng đến giao dịch của khối Nhà đầu tư Nước ngoài. Trong tháng 11, khối nhà đầu tư Nước ngoài quay trở lại bán ròng trên sàn HOSE, Nhà đầu tư Nước ngoài đã bán ròng 496 tỷ đồng, cụ thể giá trị mua đạt 6.185 tỷ đồng và giá trị bán đạt 6.681 tỷ đồng. Khối Ngoại tập trung mua ròng những cổ phiếu như DLG 164 tỷ đồng, VCB 104 tỷ đồng, CII 90 tỷ đồng, HNG 80 tỷ đồng, DPM 69 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các cổ phiếu bị bán ròng mạnh gồm có MSN -474 tỷ đồng, HHS -194 tỷ đồng, HAG -150 tỷ đồng, KDC -128 tỷ đồng và GAS -108 tỷ đồng. Ngược lại trên sàn HNX, Nhà đầu tư Nước ngoài tiếp tục duy trì tháng mua ròng gần 115 tỷ đồng. CEO được mua ròng 39 tỷ đồng, SCR 31 tỷ đồng, KLF 19 tỷ đồng và PVC 18 tỷ đồng, trong khi đó bán ròng mạnh các cổ phiếu PVS -25 tỷ đồng, PSI -10 tỷ đồng, LAS -10 tỷ đồng và PVB -5 tỷ đồng.

Tổng kết 11 tháng đầu năm 2015, khối nhà đầu tư Nước ngoài đã có 7 tháng mua ròng và 4 tháng bán ròng với giá trị mua ròng đạt gần 4.100 tỷ đồng.

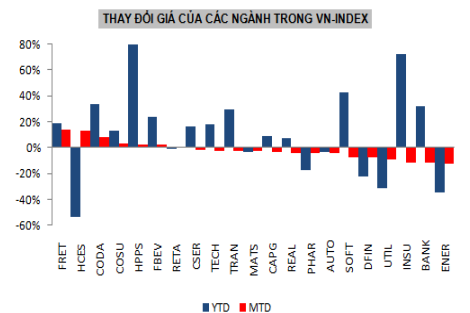
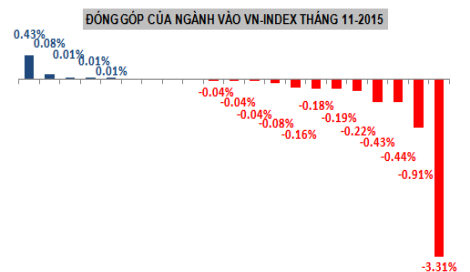
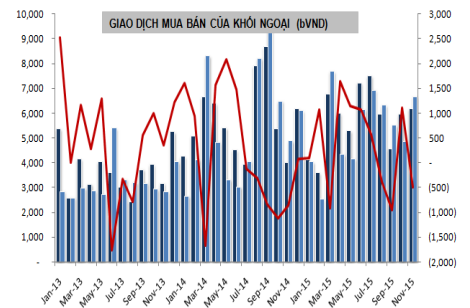
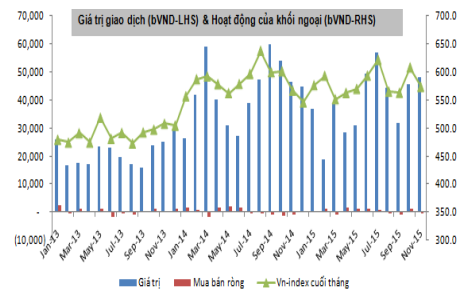
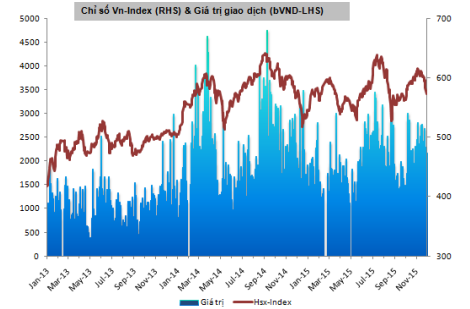
Về hoạt động của 2 Quỹ ETF: Kết thúc tháng 11, khối Nhà đầu tư Nước ngoài rút ròng 26 triệu USD, trong đó Quỹ Market Vectors Vietnam ETF (VNM) bị rút vốn 2 triệu USD, và Quỹ DB X-Tracker FTSE Vietnam Index ETF cũng bị rút vốn 3 triệu USD. Xu hướng rút tiền tại các quỹ ETF Việt Nam cũng giống với ETF tại các thị trường mới nổi khi quỹ ETF bị rút 99 triệu USD trong cả tháng 11 năm 2015.

THỊ TRƯỜNG BỊ TÁC ĐỘNG BỜ NHIỀU YẾU TỐ KHÔNG TÍCH CỰC LÀM KHẢ NĂNG PHỤC HỒI THẤP

Thị trường tháng 11 chứng kiến diễn biến khá bất ổn với động thái bán mạnh nhóm cổ phiếu blue-chip làm cho thị trường quay đầu giảm điểm. Những ngày đầu tháng 12 thị trường vẫn tiếp tục bị bán mạnh vì giá dầu thế giới giảm, các Quỹ ETF bị rút vốn. Diễn biến trong những ngày còn lại của tháng 12 sẽ chịu tác động bởi nhiều thông tin trái chiều như: i) Dự nợ Margin vẫn ở mức cao, lo ngại sẽ có những đợt xử lý Margin nếu thị trường giảm sâu; ii) Fed dự kiến tăng lãi suất; iii) Đợt tái cơ cấu lại danh mục của các Quỹ ETF; iv) Hướng giải quyết của Bộ tài chính về vấn đề nợ room cho Nhà đầu tư Nước ngoài; v) Tiến trình cổ phần hóa các tập đoàn Nhà nước sẽ hút 1 lượng từ thị trường niêm yết. Với những thông tin như trên thị trường tháng 12 sẽ tiếp tục đối mặt với những bất lợi và dòng tiền cho việc hỗ trợ sự phục hồi của thị trường.

Về phân tích kỹ thuật, VN-Index đã phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, và phá vỡ các đường MA ngắn và dài hạn tạo ngưỡng cản mạnh tại vùng VN-Index 590, thêm vào đó khối lượng giao dịch trong những ngày đầu tháng đang thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Với những yếu tố không mấy tích cực ở trên, Chúng tôi lo ngại thị trường sẽ khó khăn trong việc phục hồi trở lại. Vùng hỗ trợ tiếp theo sẽ từ 550-560, Thị trường có thể dao động trong vùng 570-580 và ngưỡng cản mạnh sẽ ở mức 590.

BIỂU ĐỒ



QUỸ VFMVF1

Tháng 11 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thỏa mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	652.6
Số lượng CCQ đang lưu hành	28,082,829.3
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	24,660.0
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	19,207.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	91.0

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Sau khi đạt đỉnh ngắn hạn tại 615 điểm đầu tháng 11, thị trường đã điều chỉnh với VN-Index kết thúc tháng 11 giảm 4.4% so với tháng trước đó. Đợt giảm lần này bắt nguồn từ áp lực bán rông của khối ngoại và rủi ro margin hiện hữu. Không tránh khỏi ảnh hưởng từ thị trường, giá trị mỗi chứng chỉ quỹ VF1 giảm 4.1% trong tháng, tuy nhiên mức giảm có thấp hơn so với chỉ số tham chiếu (-4.4%) nhờ vào một số điểm sáng trong danh mục như VNM (+5%), KDH (+3.5%) and SKG (+3.5%) và tỷ trọng ngành Ngân hàng trong danh mục thấp hơn trong chỉ số VN-Index (10.8% NAV so với 27%) trong khi Ngân hàng là ngành khiến VN-Index bị giảm nhiều nhất trong tháng 11. Bên cạnh đó một số cổ phiếu khác cũng điều chỉnh đáng kể như cổ phiếu ngành Dệt may (TCM), Bất động sản (DXG, KBC).

Lũy kế từ đầu năm quỹ VF1 tăng trưởng 11.9%, cao hơn gấp 2 lần tăng trưởng của chỉ số tham chiếu và chỉ số VN-Index (5.1%).

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

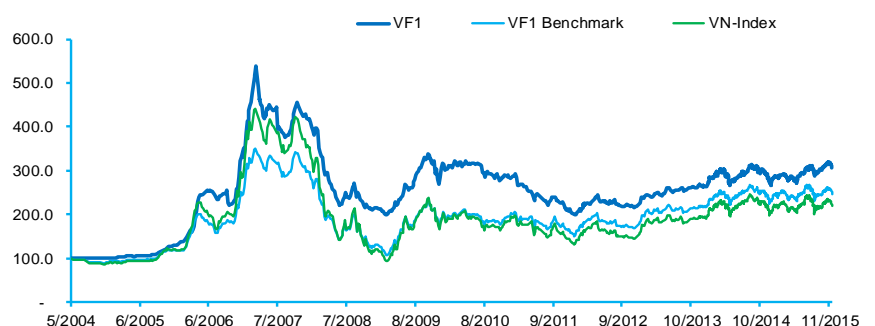
	NAV/CCQ & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	23,237.9	(4.1)	4.4	11.9	7.5	205.9 (*)
VN1-Benchmark	247.0	(4.4)	1.5	5.1	2.1	147.0
VN-Index	573.2	(5.6)	1.5	5.1	1.2	119.1
HNX-Index	80.6	(2.0)	4.8	(2.9)	(7.8)	n/a

(*) VFMVF1 Benchmark = 80% VN-Index + 20% Bond Index 1Y

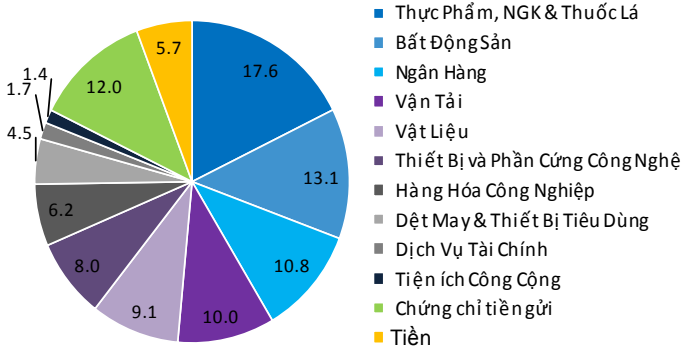
(**) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



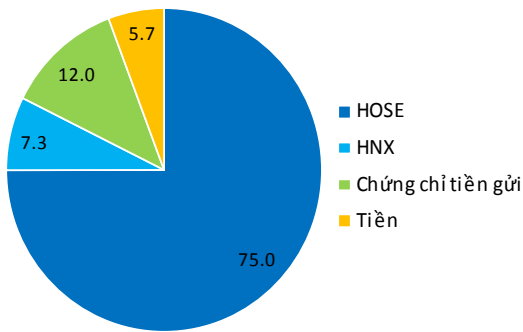
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	14.5
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	8.0
BMP	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	4.6
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	4.5
SKG	Vận Tải	HOSE	4.5
VCB	Ngân Hàng	HOSE	4.2
VIC	Bất Động Sản	HOSE	3.8
HPG	Vật Liệu	HOSE	3.6
KDH	Bất Động Sản	HOSE	3.6
CII	Vận Tải	HOSE	3.4

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	11.2	9.2
P/E	10.8	11.1
P/B trung vị	1.9	1.1
P/B	1.9	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	23.6	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.6	4.0
Số lượng cổ phiếu	23	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	0.8	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	17.0	17.3
Hệ số Sharpe	0.1	(0.1)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	294.3
Số lượng CCQ đang lưu hành	27,961,271.1
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	11,074.4
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,737.4
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	111.5

Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VFMVF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VFMVF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thị trường trong tháng 11 giảm nhẹ 5.6% sau khi đạt đỉnh 617 điểm vào ngày 6/11/2015. Giá trị tài sản ròng của Quỹ VF4 cũng chịu tác động của thị trường và giảm 3.8%, thấp hơn mức giảm của VNIndex.

Một vài điểm sáng trong danh mục như một số cổ phiếu thuộc ngành Bất động sản (KDH, BCI), ngành Vận tải (SKG) hay ngành Thực phẩm (VNM) có tăng trưởng dương ngược lại xu hướng của thị trường giúp hãm lại đà giảm của danh mục cổ phiếu. Ngoài ra, ảnh hưởng giảm lớn nhất tới VNIndex là nhóm Ngân hàng chiếm tới hơn 25% tỷ trọng thị trường nhưng do VF4 nắm giữ tỷ trọng thấp hơn (chỉ 10.4% NAV) nên mức độ ảnh hưởng cũng thấp hơn. Chúng tôi cho rằng giai đoạn cuối năm này khi thị trường điều chỉnh giảm ngắn hạn trước áp lực rút vốn của nhà đầu tư nước ngoài khi FED phát đi tín hiệu sẽ tăng lãi suất trong tháng 12 là thời điểm tốt để phân bổ lại tài sản, xây dựng danh mục cho mục tiêu cho tăng trưởng trong năm 2016.

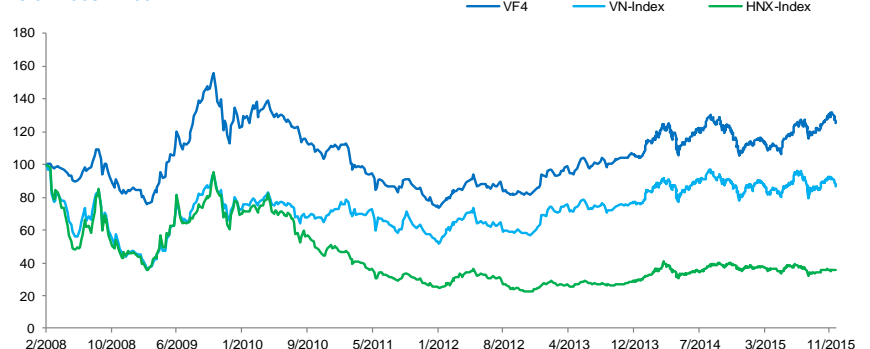
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	10,526.0	(3.8)	6.0	17.3	10.6	25.3 (*)
VN-Index	573.2	(5.6)	1.5	5.1	1.2	(13.6)
HNX-Index	80.6	(2.0)	4.8	(2.9)	(7.8)	(64.7)

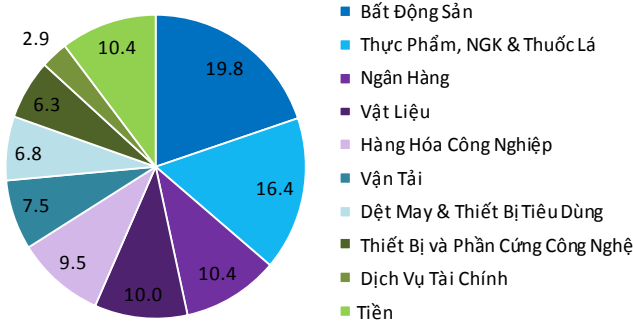
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI INDEX

28/02/2008 = 100



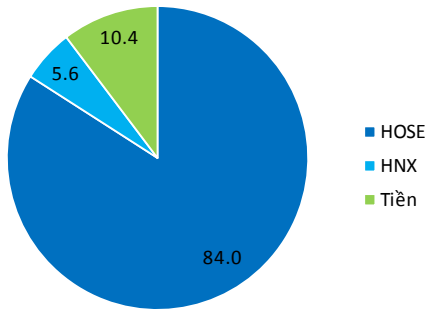
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	16.4
BMP	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	7.1
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	6.8
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.3
HPG	Vật Liệu	HOSE	4.9
VIC	Bất Động Sản	HOSE	4.8
KDH	Bất Động Sản	HOSE	4.7
VCB	Ngân Hàng	HOSE	4.6
SJS	Bất Động Sản	HOSE	4.0
KBC	Bất Động Sản	HOSE	3.6

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	11.3	9.2
P/E bình quân gia quyền	11.5	11.1
P/B trung vị	1.8	1.1
P/B bình quân gia quyền	1.9	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	21.5	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.3	4.0
Số lượng cổ phiếu	21	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	0.9	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	16.4	17.3
Hệ số Sharpe	0.3	(0.1)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/04/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Đại lý chuyển nhượng	VSD
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPT
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	66.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	9,170,328.3
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,711.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	6,835.7
Tỷ lệ chi phí 12 tháng (%)	2.9
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	205.1

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 11 năm 2015 thị trường cổ phiếu Việt Nam giảm khá mạnh khi mà VN-Index giảm đến 5.6% chốt cuối tháng tại 573.2 điểm. Cùng thời điểm chỉ số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30-Index giảm tương đương so với toàn thị trường với mức giảm 6.0%. Trong tháng nhóm cổ phiếu về Năng lượng và Ngân hàng giảm nhiều nhất với mức giảm tương ứng 12.0% và 11.6%. Tuy nhiên nhóm Ngân hàng và Tiện ích là hai nhóm ảnh hưởng lớn nhất vào mức giảm của VN-Index tương ứng -3.3% và -0.9%. Kết thúc tháng, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,293.5 đồng/ccq, giảm 2.3% so với tháng trước.

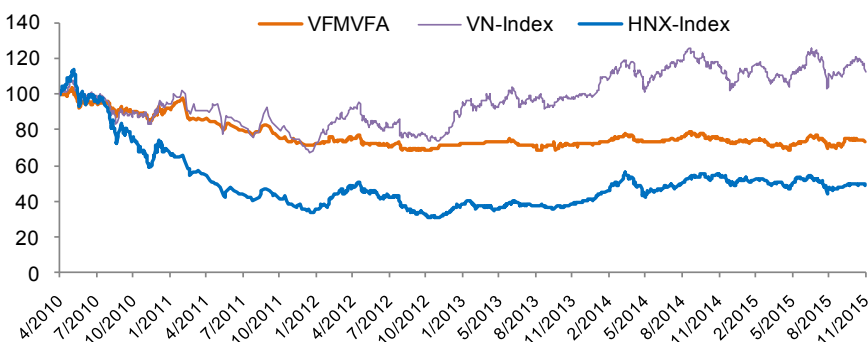
Trong tháng 11/2015, thị trường cổ phiếu nhìn chung giảm điểm tuy nhiên một số ngành vẫn có sự tăng điểm như Thực phẩm & Nước giải khát hoặc Hàng tiêu dùng vì thế các chiến lược đã thực hiện việc mua bán khá cân bằng. Cho nên cơ cấu tài sản của Quỹ không có thay đổi đáng kể so với tháng trước khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu vẫn ở mức 58.0% NAV và còn lại 42.0% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

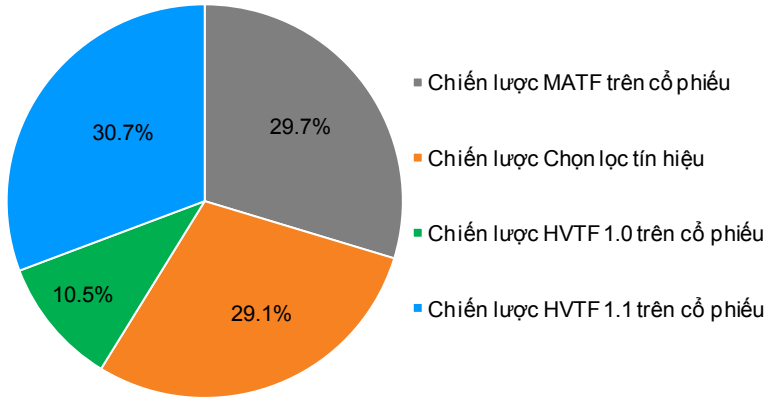
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
VFMVFA	7,293.5	(2.3)	2.3	(0.3)	(1.5)	(27.1)
VN-Index	573.2	(5.6)	1.5	5.1	1.2	12.3
HNX-Index	80.6	(2.0)	4.8	(2.9)	(7.8)	(50.9)
VN30-Index	581.9	(6.0)	(0.7)	(3.3)	(4.8)	8.9

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

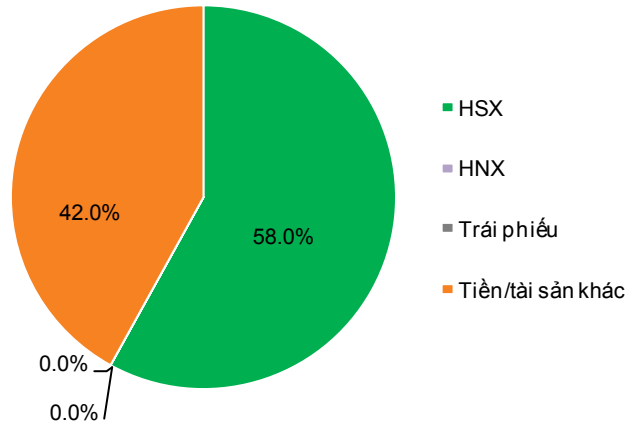
02/04/2010 = 100



CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.5	1.0
Độ lệch chuẩn trung bình năm (%)	10.3	17.3
Hệ số Sharpe	(0.6)	(0.1)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTS, KIS, MSBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	94.7
Số lượng CCQ đang lưu hành	7,550,552.9
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng	12,546.1
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng	11,817.3
Vòng quay tài sản trong năm	417.6

Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư
ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489
Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tháng 11 2015 tiếp tục chứng kiến sự thành công trong phát hành sơ cấp trái phiếu chính phủ (TPCP) với giá trị phát hành thành công lên tới 80,23% tổng giá trị gọi thầu và tỷ lệ phát hành thành công đối với TPCP kỳ hạn 3 năm được phát hành lại sau khi được sự chấp thuận của Quốc hội là 100%. Trong tháng 11, Kho bạc nhà nước đã huy động được 14.800 tỷ đồng TPCP kỳ hạn 3 năm qua 2 phiên đấu thầu với tỷ lệ giá trị đăng ký đầu thầu so với giá trị phát hành cho kỳ hạn 3 năm lên tới 3,27 lần (xem bảng trang 2). Sự dồi dào đột biến về thanh khoản tiền đồng trong hệ thống ngân hàng là nguyên nhân chính cho việc phát hành sơ cấp thành công trái phiếu kỳ hạn ngắn.

Lợi suất TPCP các kỳ hạn trong tháng 11 không có biến động so với tháng 10. Tại thời điểm 30/11/2015, lợi suất TPCP các kỳ hạn biến động trong khoảng +/- 5 điểm cơ bản so với thời điểm 31/10/2015. Lợi suất kỳ hạn 3 năm có xu hướng giảm nhẹ. Giao dịch trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ so với tháng 10 2015 với tổng giá trị giao dịch đạt 37,328 tỷ đồng (tháng 10 2015 là 46,000 tỷ đồng), giá trị giao dịch bình quân phiên cũng giảm tương ứng xuống 1778 tỷ đồng/phiên so với mức 2091 tỷ đồng trong tháng 10/2015. Giao dịch trái phiếu thứ cấp tập trung vào các kỳ hạn dưới 3 năm (74% tổng giá trị giao dịch - Xem đồ thị trang 2). Tỷ trọng giao dịch trái phiếu kỳ hạn ngắn trên thị trường sơ cấp và thứ cấp phản ánh tâm lý thị trường đang ngần ngại trước các rủi ro về biến động lợi suất trong năm 2016.

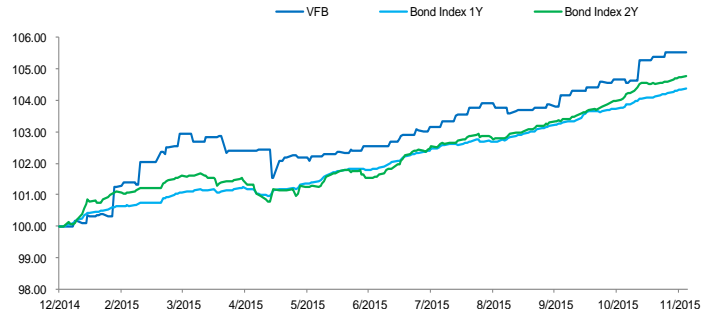
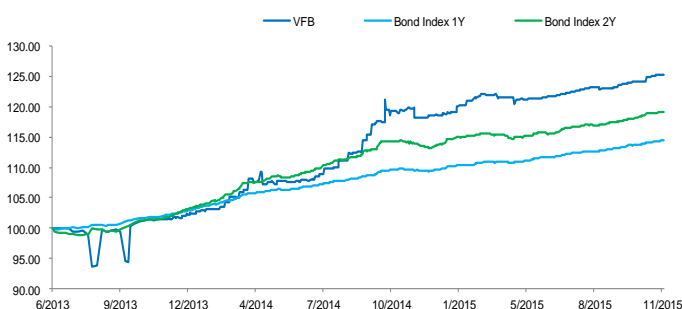
Tại 30/11/2015 NAV/CCQ Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam đạt 12.546,06 đồng/CCQ, tăng 1.06% so với tháng trước và tăng 5,73% so với thời điểm đầu năm. Tăng trưởng đạt được trong tháng 11 là kết quả của việc quỹ đã bán trái phiếu kỳ hạn ngắn và đầu tư vào trái phiếu có thời gian còn lại 3,7 năm trong tháng 10 2015. Việc lợi suất TPCP kỳ hạn 3 năm giảm trong tháng 11 đã đem lại lợi nhuận cho khoản đầu tư này. Trong tháng 12, quỹ VFMVFB sẽ tiếp tục các giao dịch với các tài sản đang nắm giữ nhằm tìm kiếm lợi nhuận cho quỹ.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	12,546.1	1.1	2.0	5.7	25.5
Bond-Index 1 năm	205.6	0.5	1.5	4.4	14.5
Bond-Index 2 năm	221.8	0.5	1.8	4.8	19.2

TĂNG TRƯỞNG NAV (*) SO VỚI BOND_INDEX (**)

Biểu đồ trái: kể từ khi thành lập quỹ; Biểu đồ phải: trong năm 2015



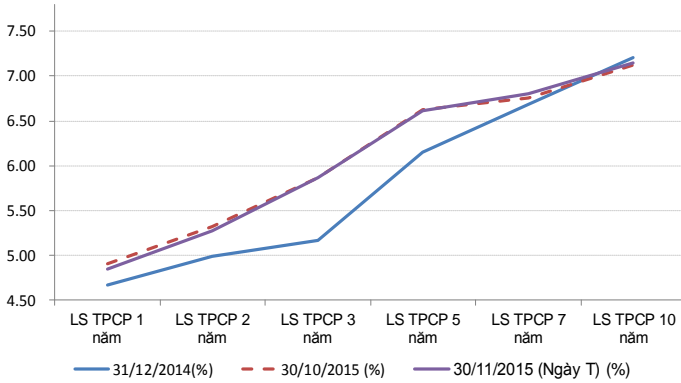
Ghi chú

(*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên. NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

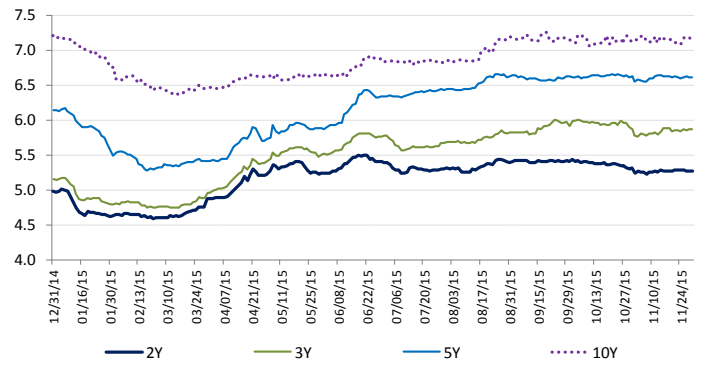
(**) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital Group.

THÔNG TIN CHUNG THỊ TRƯỜNG

ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC



BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT CÁC KỲ HẠN CỦA TPCP



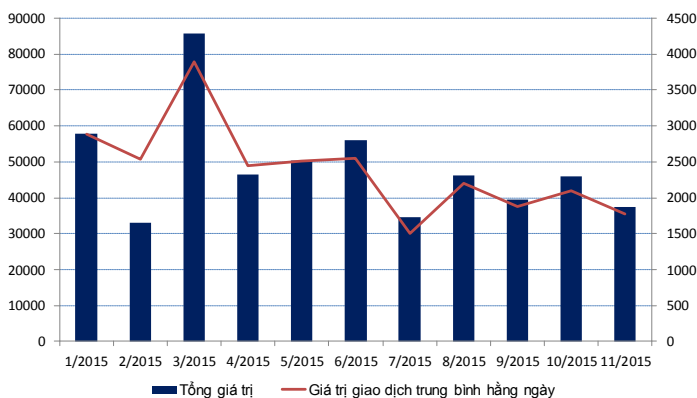
BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

	LS TPCP 1 năm	LS TPCP 2 năm	LS TPCP 3 năm	LS TPCP 5 năm	LS TPCP 7 năm	LS TPCP 10 năm
31/12/2014(%)	4.67	4.99	5.16	6.15	6.69	7.21
30/10/2015 (%)	4.91	5.32	5.87	6.63	6.76	7.13
16/11/2015 (%)	4.84	5.28	5.89	6.63	6.80	7.16
30/11/2015 (Ngày T) (%)	4.85	5.28	5.87	6.61	6.80	7.14
T Day -14 Change (Bp)	0.83	(0.50)	(2.00)	(2.00)	0.00	(1.66)
T Day -30 Change (Bp)	(5.83)	(4.17)	0.50	(1.67)	4.17	1.67
T Day - 31/12/2014 Change (Bp)	18.12	28.75	70.92	46.70	11.50	(6.33)

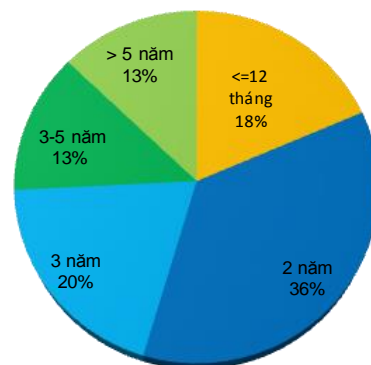
THÔNG KÊ PHÁT HÀNH SƠ CẤP TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ Tháng 11-2015

Kỳ hạn phát hành	Số phiên đấu thầu	Giá trị gọi thầu (Tỷ đồng)	Giá trị đăng ký (Tỷ đồng)	Giá trị Trúng thầu (Tỷ đồng)	Lợi suất (%)	Tỷ lệ đăng ký/gọi thầu
3Y	2	14,800	48,484	14,800	5.88-5.9	327.6%
5Y	3	14,100	22,041	9,510	6.53-6.6	156.3%
10Y	2	1,500	30	10	6.95-6.95	2.0%
15Y	2	2,800	2,692	2,317	7.65-7.65	96.1%
Tổng cộng		33,200	73,246	26,637		

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRỰC TIẾP TRÁI PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP NĂM 2015 (tỷ đồng)



TỶ TRỌNG GIAO DỊCH THỨ CẤP TPCP CÁC KỲ HẠN Tháng 11-2015



KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFMVN30
Mã trên Bloomberg	E1VFMVN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VNĐ
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC
Tổ chức tạo lập thị trường	HSC
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi	Hàng ngày
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	347.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	37,400,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,331.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,531.4
Tỷ lệ chi phí bình quân năm (%)	1.07
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	1.40

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. **Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu đối với Quỹ ETF VFMVN30.**

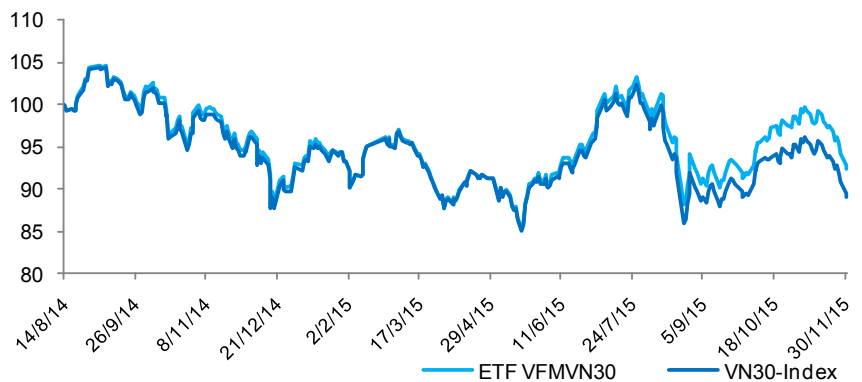
Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

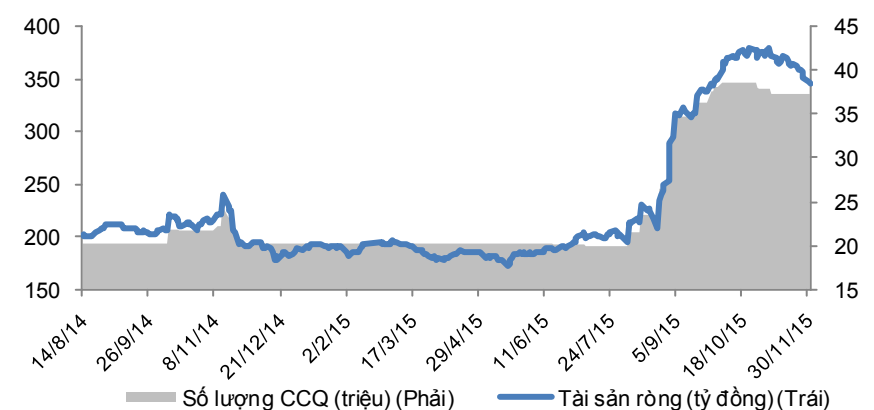
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	
ETF VFMVN30	9,282.0	(6.0)	0.5	(0.3)	(2.0)	(7.2)
VN30-Index	581.9	(6.0)	(0.7)	(3.3)	(4.8)	(10.5)

NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

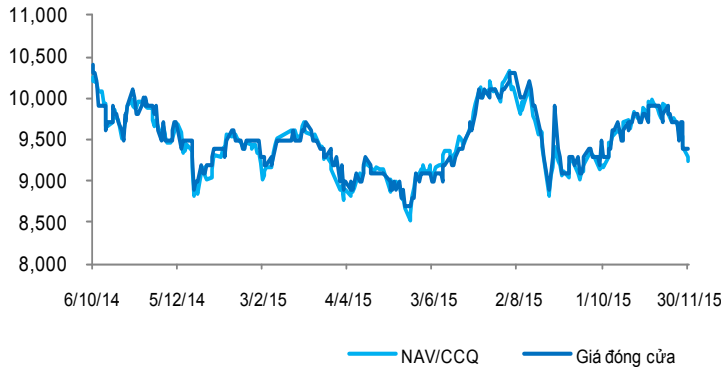
14/08/2014 = 100



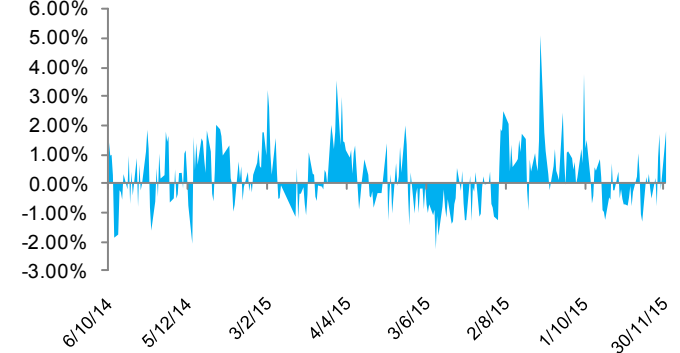
TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



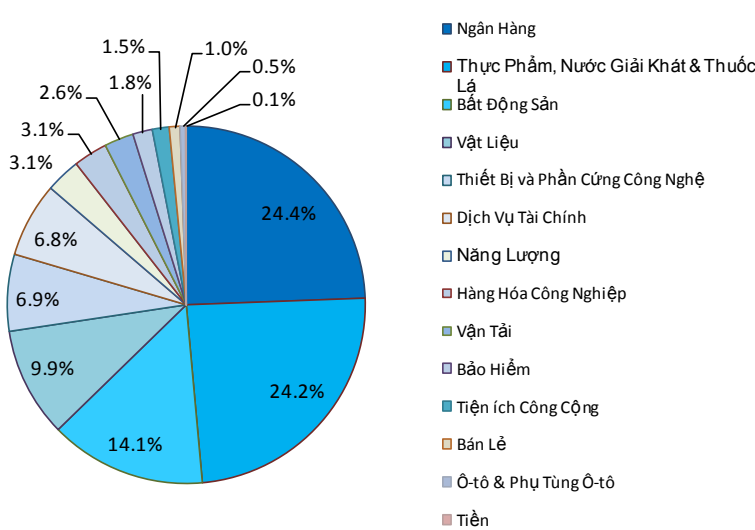
NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	3.59
Hệ số P/E	10.84
Hệ số P/B	1.55
Số lượng cổ phiếu	30

CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	0.9
Độ biến động bình quân năm (%)	16.5
Tỷ lệ Sharpe	(0.4)

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VNM	388,982	48.2	13.9%	99.9%	BVH	113,890	6.2	1.8%	51.2%
VIC	894,234	38.3	11.0%	71.3%	FLC	709,292	5.7	1.6%	26.0%
MSN	407,230	28.5	8.2%	69.8%	GMD	145,550	5.4	1.5%	100.0%
FPT	499,413	24.1	6.9%	100.0%	KBC	392,710	5.1	1.5%	62.8%
HPG	735,890	22.4	6.5%	80.1%	KDC	177,370	4.6	1.3%	39.1%
STB	1,990,881	21.9	6.3%	37.9%	HSG	125,840	4.0	1.1%	81.5%
VCB	446,430	19.2	5.5%	70.4%	ITA	629,920	3.8	1.1%	33.3%
MBB	1,205,241	17.0	4.9%	100.0%	CII	177,130	3.8	1.1%	81.9%
EIB	1,445,530	15.2	4.4%	87.0%	HHS	214,362	3.4	1.0%	53.7%
SSI	591,848	13.4	3.9%	50.3%	VSH	172,000	2.9	0.8%	56.7%
CTG	625,460	11.5	3.3%	98.6%	HCM	85,350	2.7	0.8%	100.0%
PVD	292,222	9.1	2.6%	75.5%	HVG	190,080	2.5	0.7%	39.7%
DPM	253,800	8.0	2.3%	56.9%	PPC	132,940	2.4	0.7%	29.6%
HAG	598,630	7.3	2.1%	44.9%	PVT	170,640	1.8	0.5%	31.0%
REE	269,200	6.8	2.0%	100.0%	CSM	62,754	1.7	0.5%	27.4%

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



VIETFUND
MANAGEMENT

TRỤ SỞ CHÍNH

Phòng 1701-04, Lầu 17 Tòa nhà Mê Linh Point
2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Đường dây nóng: +84 8 3825 1480

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Phòng 903, Lầu 9 Tòa nhà BIDV
194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com